TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2024.
V/v: "Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Kim Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngân

Bà Vũ Thị Hoà

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 17/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 2 năm 2024 về việc kiện "Ly hôn,tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đức T** - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 051A, đường T, tổ 01, phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Chị Bùi Thị Vũ L** - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 051A, đường T, tổ 01, phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Vũ L đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại UBND phường D, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng nhau về quan điểm sống. Từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ năm 2023 anh T và chị L đã sống ly thân, từ khi ly thân anh T và chị L không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hôn nhân không có hạnh phúc anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Bùi Thị Vũ L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Vũ L có 02 người con chung: Cháu Nguyễn Khánh H sinh ngày 18/9/2019; Cháu Nguyễn Đức Trung D sinh ngày 30/3/2021. Khi ly hôn anh Nguyễn Đức T có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu H, D đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Mức thu nhập bình quân của anh T là 12.798.000đồng/tháng. Hiện anh T đang làm Công an tại phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Bùi Thị Vũ L: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án cho chị Bùi Thị Vũ L nhưng chị L không có văn bản trả lời, cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Anh Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với chị Bùi Thị Vũ L. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết về nội dung khởi kiện. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt trong đó: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Vũ L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào ngày 25/4/2019 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng nhau về quan điểm sống.Từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ năm 2023 anh T và chị L đã sống ly thân, từ khi ly thân anh T và chị L không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T đối với chị Bùi Thị Vũ L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Vũ L có 02 người con chung: Cháu Nguyễn Khánh H sinh ngày 18/9/2019; Cháu Nguyễn Đức Trung D sinh ngày 30/3/2021. Khi ly hôn anh Nguyễn Đức T có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu H, D đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét việc giao nuôi con thì anh T có nguyện vọng được nuôi cháu hai cháu H; D đến tuổi trưởng thành. Chị Bùi Thị Vũ L không đến Tòa án cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình về việc ly hôn và nuôi con. Mặt khác anh T có thu nhập ổn định làm việc tại Công an phường C, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai mức lương hàng tháng anh được 12.798.000đồng /tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu Nguyễn Khánh H; Cháu Nguyễn Đức Trung D cho anh Nguyễn Đức T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức T không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Bùi Thị Vũ L. Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị Vũ L được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Khánh H sinh ngày 18/9/2019; Cháu Nguyễn Đức Trung D sinh ngày 30/3/2021 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi hai cháu H; D đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Vũ L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Bùi Thị Vũ L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số 0000427 ngày 29/2/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS TP;
- UBND phường D:
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Phượng